**TRƯỜNG THCS SƠN THỊNH**

**TỔ KHTN**

**KẾ HOẠCH DẠY THÊM MÔN HỌC**

**Môn: Toán 6**

**Khối/Lớp: 6A.B.C.D**

**Số tiết dạy/năm: 87 tiết**

**1.3 Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Tên bài/chủ đề** | **Mức độ cần đạt**  **(kiến thức, kỹ năng)** | **Ghi chú** |
| **SỐ HỌC** | | | |
| 1,2,3 | Tập hợp. Tập hợp các số tự nhiên | * Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; * Sử dụng được cách cho tập hợp. * Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. * Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. * Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. * Nhận biết được (quan hệ) thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên; so sánh được hai số tự nhiên cho trước. |  |
| 4,5,6 | Phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia, phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên | * Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ trong tập hợp số tự nhiên. * Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng trong tính toán. * Giải quyết những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện các phép tính cộng, trừ các số tự nhiên. * Giải quyết những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện các phép tính nhân, chia các số tự nhiên. * Thực hiện được các phép tính: nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. * Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. * Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. |  |
| 7,8 | §6. Thứ tự thực hiện các phép tính | * Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. * Vận dụng được các tính chất của phép tính để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. * Giải quyết những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện các phép tính. |  |
| 8,9, 10 | §7. Quan hệ chia hết. Tính chất chia hết | * Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. * Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. |  |
|  | Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho 3, cho 9 | * Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5 hay không. * Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 3, 9 để xác định một số đã cho có chia hết cho 3, 9 hay không. |  |
| 11,12,13, | Số nguyên tố. Hợp số  Phân tích một số ra thừa số nguyên tố | * Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. * Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. |  |
| 14,15,16 | Ước chung và ước chung lớn nhất | * Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; |  |
| 17,18, 19 | Bội chung và bội chung nhỏ nhất | * Xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; * Thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏnhất; * Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. |  |
| 20,21 | Số nguyên âm  Tập hợp các số nguyên | * Nhận biết được số nguyên âm * Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn. * Nhận biết tập hợp các số nguyên. * Biểu diễn được số nguyên trên trục số. * Nhận biết được số đối của một số nguyên. * Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. So sánh được hai số nguyên cho trước. |  |
| 22,23, 24,25 | Phép cộng,  Phép trừ số nguyên. Quy tắc dấu ngoặc | * Thực hiện được phép tính cộng trong tập hợp các số nguyên. * Vận dụng được các tính chất của phép cộng các số nguyên (giao hoán, kết hợp, cộng với số 0, cộng với số đối) trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). * Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính cộng các số nguyên. * Thực hiện được phép tính trừ trong tập hợp các số nguyên. * Vận dụng được quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). * Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính về số nguyên. |  |
| 26,27,28,29 | Phép nhân,  Phép chia hết hai số nguyên. Quan hệ chia hết trong tập hợp số nguyên | * Thực hiện được phép tính nhân trong tập hợp các số nguyên. * Vận dụng được các tính chất của phép nhân các số nguyên (giao hoán; kết hợp; nhân với số 1; phân phối của phép nhân đối với phép cộng, phép trừ) trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). * Thực hiện được phép tính chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. * Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. * Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên. |  |
| **HÌNH HỌC** | | | |
| 1,2 | Tam giác đều. Hình vuông. Lục giác đều | * Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. * Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau). * Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. |  |
| 3,4,5 | Hình chữ nhật. Hình thoi | * Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi. * Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi bằng các dụng cụ học tập. * Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên, ...) |  |
| 6,7, | Hình bình hành | * Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình bình hành. * Vẽ được hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. * Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên, ...) |  |
| 8,9,  10 | Hình thang cân | * Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình thang cân. * Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. |  |
| 11,12  13 | Hình có trục đối xứng  Hình có tâm đối xứng  Đối xứng trong thực tiễn | * Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. * Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có trục đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều). * Nhận biết được tâm đối xứng của một hìnhphẳng. * Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh 2 chiều).   – Nhận biết được tính đối xứng trong Toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,...   * Nhận biết được vẻ đẹp của thế giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng |  |
| **HỌC KÌ II** | | | |
| **SỐ HỌC** | | | |
|  | Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lí dữ liệu  Biểu đồ cột kép | – Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác.  – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.  – Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê, biểu đồ tranh, biểu đồ dạng cột.  – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột.  – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột.  – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: biểu đồ dạng cột kép (*column chart*).  – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...)  – Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng:biểu đồ dạng cột kép  – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ thích hợp ở dạng: biểu đồ dạng cột kép.  – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng biểu đồ dạng cột kép (*column chart*).  – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...). |  |
| 1,2,3 |
| 4,5,6 | Mô hình xác suất và xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản | – Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (vd: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm 2 khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu,...)  – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản.  – Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản.  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |
| 7,8,  9,10 | Phân số với tử và mẫu là số nguyên  So sánh các phân số. Hỗn số dương | * Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm. * Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. * Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số. * Biết rút gọn một phân số thành phân số tối giản. * Biết dùng kí hiệu “>”, “<” để thể hiện quan hệ thứ tự của hai phân số. * So sánh được hai phân số cho trước. * Nhận biết được hỗn số dương. * Biết viết một phân số thành hỗn số và ngược lại. |  |
| 11,12,  13,14 | Phép cộng, phép trừ phân số | * Thực hiện được các phép tính cộng, trừ với phân số. * Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán. * Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số. |  |
| 15,16, 17 | Phép nhân, phép chia phân số | – Thực hiện được các phép tính nhân, chia với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số. |  |
| 18,19,20 | Số thập phân  Phép cộng, phép trừ số thập phân | – Nhận biết được số thập phân âm.  – So sánh được hai số thập phân cho trước.  – Nhận biết được số đối của một số thập phân.  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ với số thập phân.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn vớicác phép tính về số thập phân. |  |
| 21,22,23,24 | Phép nhân, phép chia số thập phân.  Ước lượng và làm tròn số | – Thực hiện được các phép tính nhân, chia với số thập phân.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân.  – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số nguyên, số thập phân. |  |
| 25,26,27,28 | Tỉ số. Tỉ số phần trăm | – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |
| 29,30,31,32,33 | Hai bài toán về phân số | – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |
| **HÌNH HỌC** | | | |
| 1,2 | Điểm. Đường thẳng. | * Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.   – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. |  |
| 3,4,5 | Hai đường thẳng cắt nhau. Hai đường thẳng song song | – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. |  |
| 6,7,8 | §3. Đoạn thẳng  §4. Tia | * Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng. * Nhận biết được khái niệm tia. |  |
| 9,10,  11,12 | §5. Góc | * Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm).   – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).  – Nhận biết được khái niệm số đo góc. |  |

*Sơn Thịnh, ngày…..tháng…..năm 2021*

**Tổ trưởng CM Hiệu trưởng**

(ký và ghi rõ họ tên) (ký và ghi rõ họ tên)

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**